

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 580

Phẩm BỐ THÍ BA-LA-MẬT-ĐA (2)

Lại nữa Mãn Từ Tử, Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, trong tất cả các hạnh, đầu tiên là nên học Bồ thí ba-la-mật-đa vô nhiễm. Vì sao? Mãn Từ Tử, nếu học Bồ thí ba-la-mật-đa, thì thân tâm phải liên tục mau chóng xa lìa xan tham, keo bần đã huân tập từ vô thủy kiếp đến nay, mới dần dần thân cận trí Nhất thiết trí. Vì vậy Bồ-tát khi nào, khi nào tác ý tương ứng với trí Nhất thiết trí hiện tiền liên tục; khi ấy, khi ấy dần dần thân cận trí Nhất thiết trí. Khi nào, khi nào dần dần thân cận trí Nhất thiết trí; khi ấy, khi ấy dần dần xa lìa bậc Thanh văn và Độc giác. Khi nào, khi nào dần dần xa lìa Thanh văn và Độc giác; khi ấy, khi ấy dần dần kề cận trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như khi trời mưa, để vò ở chỗ cao hứng nước mưa. Nước mưa dần dần đầy vò. Khi đầy như vậy là do giọt mưa rơi xuống liên tục chớ không bị gián đoạn trước hoặc sau. Bồ-tát cũng vậy, cầu trí Nhất thiết chẳng phải chỉ phát tâm ban đầu mà chứng đắc được, cũng chẳng phải sau khi ngồi tòa Bồ-đề phát khởi tâm hối hận mà chứng đắc được. Do phát tâm liên tục từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi tòa Bồ-đề phát khởi tâm tối hậu mà chứng đắc được. Do phát tâm liên tục từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi tòa Bồ-đề, khởi tâm tối hậu giúp nhau liên tục, nên cầu trí Nhất thiết, chứng trí Nhất thiết. Tâm ở chặn đầu, giữa, sau đều hướng đến trí Nhất thiết để chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Cốt yếu là do các tâm nối nhau liên tục, dứt trừ các pháp chướng ngại, mới thành tựu được.

Lại nữa Mãn Từ Tử, nếu các Bồ-tát muốn mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề không nên để cho tâm bị điều khác xen tạp làm gián đoạn.

Khi ấy, Mãn Từ Tử liền hỏi Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Lúc nào gọi là tâm các Bồ-tát không bị điều khác xen tạp làm gián đoạn?

Xá-lợi Tử đáp:

–Nếu các Bồ-tát suy nghĩ phi lý thì ngay hiện tại có thể tự quán sát đúng. Vị này tùy thuận với trí Nhất thiết trí không bị trái nghịch, các Bồ-tát này có thể như thật biết ta đang bị phát khởi suy nghĩ phi lý, nhưng có trí Nhất thiết làm bạn giúp đỡ nhau. Nghĩa là chớ làm cho ta ngã phát khởi suy nghĩ phi lý, có khả năng dẫn ta vào trong sinh tử liên tục, an trụ lâu dài để làm lợi ích hữu tình. Nếu thân ta không suy nghĩ phi lý, giúp đỡ làm cho được trụ lại thì đoạt diệt ngay, tự mình không được viên mãn, làm sao lợi ích cho các hữu tình khác. Mức độ này gọi là tâm các Bồ-tát không bị xen tạp làm gián đoạn.

Lại nữa Mãn Từ Tử, nếu các Bồ-tát quán sát sự thuận nghịch của các pháp, đều hỗ trợ nhau đến trí Nhất thiết trí. Các Bồ-tát này dùng phương tiện thiện xảo quán sát tất cả pháp, đều tùy thuận sự cầu quả vị Giác ngộ cao tột, không bị sự thuận nghịch để tâm bị điều khác xen tạp làm gián đoạn. Đối với cảnh nghịch, tâm không sinh sân hận, đối với cảnh thuận, trong tâm không sinh ái nhiễm. Nếu nghịch, hay thuận đều biết rõ thì nó hỗ trợ, làm duyên dẫn đến trí Nhất thiết. Bồ-tát như vậy thì trong tâm không bị xen tạp

đối với tất cả thời gian, tất cả ngoại cảnh.

Lại nữa Mãn Từ Tử, ví như có người bị kẻ khác bắt giam, dẫn đến chỗ giết. Người kia run sợ không còn tưởng việc gì khác, chỉ nghĩ như: “Chẳng bao lâu nữa, nhất định ta sẽ bị chúng giết hại.” Các Bồ-tát cũng như vậy. Nếu thường suy nghĩ về trí Nhất thiết trí, trong thời gian đó không có suy nghĩ gì khác thì các Bồ-tát đó đối với tất cả thời gian, tâm không bị điều khác xen tạp làm gián đoạn.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như có người đem nhiều châu báu, vào đồng vắng, nơi có nhiều giặc cướp hung bạo. Bấy giờ, người kia không còn tưởng gì khác chỉ nghĩ: “Lúc nào ta sẽ ra khỏi chỗ hiểm nạn này để đến nước giàu sang yên ổn.” Các Bồ-tát cũng như vậy. Nếu thường suy nghĩ về trí Nhất thiết trí, thì những suy nghĩ khác không khởi lên được. Thân, ý của các Bồ-tát này thanh tịnh, tâm không bị điều khác xen tạp làm gián đoạn.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như có người từng làm trộm cướp, bị vua tìm bắt. Người kia sợ sệt, trốn vào trong chợ, núp chỗ ồn ào đông đảo để lẩn trốn. Chính ngay nơi đó, có đánh trống, thổi kèn, đọc sắc lệnh nhà vua muốn bắt y. Khi đó người kia không còn tưởng điều gì, chỉ nghĩ rằng: “Chớ để họ biết ta ở đây, nếu thấy thì sẽ bị bắt trói.” Các Bồ-tát cũng như vậy. Vì muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên thường suy nghĩ về trí Nhất thiết trí, không để khởi lên các suy nghĩ khác. Đối với việc tu hành, các Bồ-tát này không để tâm bị xen tạp.

Lại nữa Mãn Từ Tử, như thợ vàng, có người đem trăm vàng đến trao tận tay ông ta và nói: “Vật này, vua bảo giao cho người, người hãy làm các đồ trang sức quý báu, đẹp đẽ. Phải hết lòng làm gấp trong một tháng là hoàn tất. Nếu như không hoàn thành hoặc làm xấu xí, đầu người sẽ mất, nhất định không tha.” Người thợ vàng nghe rồi, thân tâm run sợ, ngày đêm siêng năng gắng sức làm việc, chưa từng nghĩ đến các điều khác, chỉ nghĩ: “Ta phải làm thế nào để đúng kỳ hạn vua giao và vật trang sức phải đẹp đẽ.” Người kia đến khi vật trang sức chưa hoàn thành, trong khoảng thời gian đó, tuy có ăn uống... nhưng hoàn toàn không nghĩ đến việc ăn uống... chỉ để tâm nơi cục vàng và liên tục suy nghĩ làm thế nào để sáng tạo các kiểu trang sức thật đẹp. Vì sao?

Mãn Từ Tử, vì người kia rất quý trọng thân mạng. Đúng kỳ hạn, người thợ vàng hoàn thành các vật trang sức đẹp đẽ, đem đến chỗ vua tâu:

–Tâu Bệ hạ, các vật trang sức quý báu mà vua sai tôi làm, nay đã hoàn tất.

Vua thấy rất vui mừng, an ủi người kia:

–Người vâng theo sắc lệnh của ta có công rất lớn. Đáng lẽ phải làm mười hai tháng mới xong, người chỉ làm trong vòng một tháng hoàn thành tất cả.

Vua liền đem nhiều vật quý báu ra ban thưởng. Các Bồ-tát cũng lại như vậy, tức lúc mới phát tâm cho đến khi tối hậu, định Kim cang dụ sắp hiện tiền, trong khoảng thời gian đó, tâm chưa hề xen tạp điều khác, chỉ cầu phát trí Nhất thiết trí. Như người thợ vàng kia tiếc thân mạng mình, bao lâu đồ trang sức chưa xong, trong khoảng thời gian đó, chưa từng để vọng tưởng xen tạp, chỉ dốc tâm chế tạo đồ trang sức. Bồ-tát cũng vậy, vì tôn trọng Bồ-đề, khi chưa đắc quả vị Giác ngộ cao tột, tâm thường suy nghĩ về trí Nhất thiết trí. Trong khoảng đó, không có một suy nghĩ nào khác. Đây gọi là tâm không bị điều khác xen tạp làm gián đoạn.

Nếu các Bồ-tát cầu trí Nhất thiết, có thể an trụ tâm như vậy không để xen tạp, tinh tấn tu hành hạnh Bồ-đề mau chóng viên mãn tư lương Bồ-đề. Các Bồ-tát khác vì tu hạnh Bồ-tát mà để tâm xen tạp nên phải trải qua vô số kiếp mới được viên mãn tư lương

Vô thượng Đẳng chánh giác. Các Bồ-tát này không trải qua trăm kiếp, liền được viên mãn. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì các Bồ-tát này cầu trí Nhất thiết nên không để ý nghĩ khác xen tạp trong tâm đại Bồ-đề. Vì thế, tâm không xen tạp việc tu hạnh Bồ-tát, không phải trải qua trăm kiếp, liền được viên mãn, chứng đắc tư lương Vô thượng Bồ-đề. Khi tâm bị xen tạp liên tục thì không thành tựu tư lương Bồ-đề. Nếu tâm xen tạp, ít nối tiếp nhau, liền thành tựu tư lương Bồ-đề vì thường tăng trưởng việc tinh tấn trong từng sát-na. Như vậy, Bồ-tát muốn cầu quả vị Giác ngộ cao tột dẫn đến việc viên mãn tư lương được mau chóng thì phải siêng năng dùng phương tiện không điên đảo để phát tâm không xen tạp. Nếu được tâm như vậy thì dễ chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử hỏi Xá-lợi Tử:

–Tâm không xen tạp thì lấy gì làm tánh? Những suy nghĩ gì làm tâm bị xen tạp? Do tâm có phân biệt nên gọi là xen tạp, chúng Bồ-tát phải xa lìa nó thế nào?

Xá-lợi Tử đáp:

–Nếu các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo chỉ cầu trí Nhất thiết, không suy nghĩ gì khác để bị xen tạp. Tâm không xen tạp thì lấy đây làm tánh. Nếu suy nghĩ tương ứng với Thanh văn thừa, suy nghĩ tương ứng với Độc giác thừa, đều có thể xen tạp tâm đại Bồ-đề, đều gọi là suy nghĩ Bồ-tát phi lý của. Vì sao? Vì suy nghĩ của Nhị thừa nên trái nghịch với quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu ai khởi tâm kia ngay hiện tại thì không viên mãn tư lương Bồ-đề, vui mừng an lạc của Niết-bàn, nhằm chán sinh tử. Đối với điều đó, Bồ-tát phải nên xa lìa và tránh xa. Hãy suy nghĩ như vậy: “Suy nghĩ về Nhị thừa sẽ xa lìa trí Nhất thiết, thuận theo vào Niết-bàn, không nên để bị xen tạp điều đó trong tâm ta.” Vì vậy Bồ-tát phải nghĩ: “Tâm tương ứng với tham, sân, si đối với đại Bồ-đề tuy là chướng ngại nhưng lại tùy thuận tư lương Bồ-đề thì chẳng xen tạp lắm đối với tâm Bồ-tát. Tâm là như cầu tâm địa vị Độc giác, Thanh văn. Vì sao? Vì tham, sân, si có thể làm cho sinh tử tương tục trong các cõi, nhưng hộ trì các Bồ-tát đến trí Nhất thiết. Nghĩa là chúng Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, thọ thân đời sau chịu các phiền não để làm lợi ích lớn cho các hữu tình. Y vào đó tu học Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm cho được viên mãn. Y vào đó tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc làm cho được viên mãn. Y vào đó tu học bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo làm cho được viên mãn. Y vào đó tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm cho được viên mãn. Y vào đó tu học vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa làm cho được viên mãn. Y vào đó tu học các địa vị Bồ-tát, năm loại mắt, sáu phép thần thông cho được viên mãn. Y vào đó tu học mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và mười tám pháp Phật bất cộng, vô lượng, vô biên công đức chư Phật cho được viên mãn. Phiền não như vậy có thể hộ trì Bồ-tát, làm cho chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng phải suy nghĩ của các Thanh văn, Độc giác, vì suy nghĩ kia làm ngăn cản đại Bồ-đề, làm trở ngại tư lương, không được viên mãn. Cho nên khi tâm của chúng Đại Bồ-tát bị xen tạp ý nghĩ kia thì bị cách xa Vô thượng Bồ-đề. Vì vậy, tâm các Bồ-tát không nên xen tạp suy nghĩ của Thanh văn, Độc giác. Các Bồ-tát vì cầu đại Bồ-đề nên phải tránh xa nó, đừng cho phát khởi. Thân ở nơi các cõi tuy phải tùy thuận suy nghĩ phiền não nhưng chẳng bị xen tạp lắm đối với tâm Bồ-tát. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì các Bồ-tát cầu đại Bồ-đề chỉ vì muốn độ các hữu tình nên mặc giáp tinh tấn, an trú lâu dài trong sinh tử để làm lợi ích lớn, không nên mau chóng suy nghĩ chấm dứt phiền não. Do suy nghĩ này,

nên ngay nơi hiện tại liền được thân tương tục lâu dài ở các cõi. Y vào đó mà giữ gìn Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác đều được viên mãn. Suy nghĩ tương ứng với phiền não như vậy sẽ tùy thuận hộ trì các Bồ-tát ở thân sau, đưa đến phát sinh quả vị Giác ngộ cao tột. Khi chưa chứng Bồ-đề cho đến chưa ngồi tòa Bồ-đề diệu pháp thì không mong cầu đoạn dứt. Đối với suy nghĩ ấy không nên diệt trừ hẳn.

Vì vậy, chúng Đại Bồ-tát, nếu ngay khi hiện tại phát khởi phiền não, không nên đối với sinh tử mà nhàm chán. Vì sao? Mãn Từ Tử, vì các Bồ-tát đối với phiền não, nhớ nghĩ có ân, nên nghĩ rằng: “Do điều kia nên đưa cho ta phát các loại tư lương Bồ-đề, làm cho mau chóng viên mãn. Điều kia đối với ta có ân đức lớn. Vì sao? Vì cũng như thiện pháp khác đối với ta có lợi ích cho nên ta kính trọng. Phiền não cũng vậy, không nên chán ghét? Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo như vậy đối với các phiền não và cảnh giới đối nghịch cũng kính trọng sâu xa như kính Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì các Bồ-tát này biết dùng phương tiện thiện xảo suy nghĩ: “Do các hữu kết sử chưa dứt hẳn, nên ta phải tu hành Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác cho được viên mãn.” Nhân điều này nên phát trí Nhất thiết trí. Khi nào, khi nào tu học Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác dần dần viên mãn, khi ấy, khi ấy làm cho kết sử các cõi lần lượt được bào mòn cho đến hoàn toàn chấm dứt, liền chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Ví như người buôn dùng xe chở các vật quý báu rất nặng đến thành lớn rất xa. Khi nào, khi nào xe kia vận chuyển tiến dần, tiến dần về phía trước khi ấy, khi ấy các bộ phận trục, vành... nơi bánh xe hao mòn dần dần. Lần lượt như vậy được vào thành lớn. Một khi các bộ phận của xe bị hư hoại thì sự việc đã thành tựu, người chủ không hối tiếc. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo cũng như vậy, dùng kết sử dựa vào thân để hộ trì. Khi nào, khi nào do kết sử tương tục hộ trì thân, khi ấy, khi ấy Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác dần dần viên mãn. Khi nào, khi nào Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác dần dần viên mãn. Khi ấy, khi ấy làm cho kết sử các cõi dần dần suy giảm. Khi nào, khi nào làm cho kết sử các cõi hữu dần dần suy giảm. Khi ấy, khi ấy dần dần kề cận trí Nhất thiết trí. Nếu khi Bồ-tát chứng đại Bồ-đề bấy giờ các kết sử y vào thân đều chấm dứt. Những việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân kết sử. Như xe đã vào thành rồi, không cần dùng xe. Phiền não như vậy đối với đại Bồ-đề tuy là chướng ngại nhưng có sức hộ trì tư lương Bồ-đề. Vì vậy nên Bồ-tát cho đến chưa ngồi tòa Bồ-đề Diệu giác cũng chưa diệt trừ hẳn phiền não. Nếu được Bồ-đề thì tất cả phiền não đều chấm dứt. Nếu có hữu tình đến chỗ Bồ-tát, trước thì khinh chê, quở trách, sau cầu xin chánh pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát hoan hỷ bố thí cho với ý nghĩ như vậy: “Hữu tình này đến chỗ ta, bố thí ân đức lớn làm cho ta thành tựu bố thí an nhẫn. Do đó ta chứng đắc trí Nhất thiết trí. Ta nhờ người kia nên phát tâm tăng thượng, đạt đến đại Bồ-đề thù thắng hơn cảnh giới khác. Vì vậy, trong các tác ý của Bồ-tát này chỉ trừ tác ý tương ứng với Nhị thừa. Không nên nhàm chán các tác ý khác. Vì đối với sự chứng đắc trí Nhất thiết trí đều có sức hộ trì này.

Khi ấy, Mãn Từ Tử liền hỏi Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Chẳng lẽ Nhị thừa đối với trí Nhất thiết cũng có sức hộ trì sao? Nghĩa là các Thanh văn cũng có thể dạy bảo, khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học Bồ

thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Hoặc các Độc giác cũng làm phước điền, cúng dường y phục thức ăn cho các Bồ-tát mau chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Vậy tại sao nói tác ý tương ứng với Thanh văn, Độc giác không có sức hộ trì đối với trí Nhất thiết và tư lương này.

Xá-lợi Tử trả lời Cụ thọ Mãn Từ Tử:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thanh văn, Độc giác đều có sức hộ trì đối với trí Nhất thiết và tư lương này. Nghĩa là các Thanh văn cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học Bốn thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có thể dạy bảo răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học bậc Tịnh quán, bậc Chứng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám món bất cộng của Phật. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát làm cho họ siêng năng tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học tất cả hạnh của Đại Bồ-tát. Cũng có thể dạy bảo khuyên răn Bồ-tát, làm cho họ siêng năng tu học quả vị Giác ngộ cao tốt của chư Phật. Vì vậy Thanh văn cũng có sức hộ trì đối với trí Nhất thiết và tư lương này. Hoặc các Độc giác cũng muốn làm phước điền, cúng dường cho Bồ-tát. Nghĩa là các Bồ-tát nhờ phước điền cúng dường đầy đủ vật dụng nơi thân, hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tốt. Cho nên Độc giác cũng có sức hộ trì đối với trí Nhất thiết và tư lương. Nhưng suy nghĩ của các Thanh văn, Độc giác hoàn toàn không có sức hộ trì trí Nhất thiết và tư lương này. Vì sao? Vì suy nghĩ tương ứng với Thanh văn, Độc giác có sức hộ trì thù thắng đối với bậc Nhị thừa nhưng không tùy thuận đối với sự cầu quả vị Giác ngộ cao tốt và tư lương này của các Bồ-tát. Nghĩa là ý nghĩ nhằm chán sinh tử, ưa

thích nhập Niết-bàn, bỏ đại Bồ-đề và các loài hữu tình. Vì vậy, nhất định Bồ-tát không nên có suy nghĩ tương ứng với Độc giác, Thanh văn. Do suy nghĩ kia hoàn toàn không tùy thuận đối với sự cầu Phật quả và sự lợi ích hữu tình của chư Phật.

Lại nữa Mãn Từ Tử, các Thanh văn thừa có đại ân đức lớn đối với sự cầu quả vị Giác ngộ cao tột của các Đại Bồ-tát. Nghĩa là chúng Đại Bồ-tát tuyên thuyết giáo pháp, dạy bảo khuyên răn tương ứng với tất cả Ba-la-mật-đa và thắng hạnh, làm cho siêng năng tu học mau chóng được viên mãn. Cũng đem phước điền thanh tịnh cúng dường cho Bồ-tát, làm cho các Bồ-tát mau chóng được viên mãn tư lương Bồ-đề. Do đó, Thanh văn này có ân đức lớn đối với các Bồ-tát. Vì vậy, Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo quán sát các hữu tình và tất cả pháp, đối với trí Nhất thiết và tư lương này đều có ân đức để tùy thuận. Tâm hay trí của các A-la-hán, đối với Bồ-tát thừa cũng có ân đức. Nghĩa là nếu không có tâm hay trí kia thì Bồ-tát không ngăn ngại.

Vì sao nói các Bồ-tát không nên phát khởi tâm A-la-hán, cũng không nên tu trí A-la-hán. Do điều kia ngăn ngại nên làm cho Bồ-tát phát khởi tư lương Bồ-đề mau được viên mãn, nhanh chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Cho nên tâm hay trí của A-la-hán đối với Bồ-tát thừa cũng có ân đức. Nghĩa là làm cho Bồ-tát đắc trí Nhất thiết, lợi lạc hữu tình đến tận đời vị lai. Tâm hay trí của tất cả Độc giác đối với Bồ-tát thừa cũng có ân đức. Nghĩa là không có tâm hay trí kia thì không có sự ngăn ngại. Tại sao nói các Bồ-tát không nên phát khởi tâm Độc giác cũng không nên tu trí Độc giác. Bởi tâm hay trí kia ngăn ngại nên làm cho Bồ-tát phát khởi tư lương Bồ-đề, mau được viên mãn, nhanh chóng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Cho nên tâm hay trí của các Độc giác đối với Bồ-tát thừa cũng có ân đức. Nghĩa là làm cho Bồ-tát đắc trí Nhất thiết làm lợi lạc hữu tình đến tận đời vị lai.

Lại nhờ quán tâm trí Nhị thừa thấp kém, Bồ-tát tu học tâm trí tăng thượng. Nếu không có tâm trí Nhị thừa thấp kém thì Bồ-tát không thể tu học tâm trí tăng thượng. Như vậy là tâm trí Bồ-tát hữu lậu, vô lậu chỉ trừ tâm trí Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với tất cả pháp khác là tối, là thắng là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là trên, là không gì vượt trên, không gì bằng, không gì sánh bằng. Cho nên tất cả tâm trí Thanh văn, Độc giác đối với trí Nhất thiết cũng có một phần nhỏ tùy thuận thế lực. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo như vậy, quán sát các hữu tình và tất cả pháp, đối với trí Nhất thiết và tư lương này đều tùy thuận thế lực, cho nên đối với tất cả không từ bỏ.

Lại nữa Mãn Từ Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa tuy có xả bỏ tiền tài, sự vật quý báu nhưng đối với sự việc kia không tưởng lấy tướng. Nghĩa là nếu xả bỏ tất cả tướng, của pháp để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, muốn làm lợi ích lớn cho các hữu tình, liền chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Nếu không bỏ tướng mà hồi hướng Bồ-đề, muốn làm lợi ích lớn cho các hữu tình thì trọn đời không đắc trí Nhất thiết trí.

Nếu các Bồ-tát được nhiều vàng bạc... quý báu tuy gọi là được lợi nhưng chưa gọi là được lợi lớn. Nếu các Bồ-tát bỏ các vàng bạc... quý báu, có thể gọi là được lợi lớn.

Nếu các Bồ-tát xả bỏ các tướng để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích lớn cho các hữu tình mới gọi là được lợi ích hoàn hảo vô thượng. Nếu Bồ-tát làm vua cõi Dục, thống lĩnh cả Dục giới, được quyền lực lớn. Tuy gọi là lợi nhưng chưa gọi là được lợi lớn.

Nếu các Bồ-tát xả bỏ vương vị quyền lực ở cõi Dục mới được gọi là được lợi lớn. Nếu Bồ-tát xả bỏ các tướng để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích lớn

cho các hữu tình, mới được lợi ích hoàn hảo vô thượng. Nếu các hữu tình xả bỏ các tướng, đặc quả Dự lưu hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, tuy gọi là được lợi nhưng chưa gọi là được lợi lớn.

Nếu các hữu tình xả bỏ các tướng để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích lớn cho các hữu tình, mới gọi là được lợi ích hoàn hảo vô thượng. Nếu đặc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với các lợi, đó là tối thượng, tối thắng. Vì sao? Vì sự cầu quả vị Giác ngộ cao tột của các Bồ-tát, làm lợi ích lớn cho hữu tình thì Thanh văn, Độc giác và các phàm phu không có điều này. Nếu các Bồ-tát tưởng đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử ở khắp mười phương, làm các đồ ăn uống, y phục, ngọc cụ, thuốc men, trị bệnh, phòng xá thượng diệu, tài sản hương hoa thuộc cá nhân đều dâng lên cúng dường tất cả các vật ấy. Tuy gọi là được lợi nhưng chưa được lợi vô thượng.

Nếu các Bồ-tát xả bỏ các tướng để hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột làm lợi ích lớn cho các hữu tình, mới gọi là được lợi ích hoàn hảo vô thượng. Vì sao? Vì ăn uống... các vật đều có nhiều tướng. Các pháp có tướng đều có số lượng. Pháp có số lượng thì có phân hạn. Tùy thuộc vào điều ấy thì không chứng trí Nhất thiết không phân hạn. Nếu các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, nhờ tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử mà đầy đủ vô lượng công đức hy hữu, nhưng không chấp lấy tướng. Tuy tưởng thức ăn, uống, y phục, ngọc cụ, thuốc men trị bệnh, phòng xá thượng diệu, tài sản hương hoa thuộc cá nhân. Dâng các vật đó đều lên cúng dường nhưng không chấp lấy tướng. Tuy hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, làm lợi ích lớn cho các hữu tình nhưng không chấp lấy tướng. Do chứng đắc trí Nhất thiết trí này, nên làm lợi ích cho các hữu tình đến tận đời vị lai. Nên biết, đây gọi là được lợi vô thượng, đối với tất cả pháp lợi là đệ nhất.

Nếu các Bồ-tát có phương tiện thiện xảo như vậy mà tu hành bố thí mới được gọi là Bồ-tát ở trên cùng, nhất định sẽ đắc trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí rất khó có thể chứng đắc. Bồ-tát như vậy có thể xả bỏ tất cả tướng trong ngoài, tâm không dính mắc, cầu chứng trí Nhất thiết trí như vậy, đối với các Bồ-tát là Thượng thủ nên đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát ở quá khứ, vị lai, hiện tại đã, đang và sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, đều do sự phát khởi phương tiện thiện xảo như vậy mà chứng đắc.

Bấy giờ, Mãn Từ Tử liền hỏi Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Làm sao Bồ-tát được nhập vào số Bồ-tát ở trên cùng?

Xá-lợi Tử đáp:

–Nếu các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, không chấp lấy pháp tướng thì các Bồ-tát này nhập vào số Bồ-tát ở trên cùng.

Mãn Từ Tử hỏi:

–Các Bồ-tát này đối với những pháp gì không chấp lấy tướng nào?

Xá-lợi Tử đáp:

–Các Bồ-tát này đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối

với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với sắc uẩn không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với nhãn xứ không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với sắc xứ không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với sắc xứ không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với sắc xứ không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với sắc xứ không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với sắc xứ không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa. Đối với sắc xứ không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với nhãn giới không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với nhãn giới không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với nhãn giới không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với nhãn giới không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với nhãn giới không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa. Đối với nhãn giới không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với sắc giới không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với sắc giới không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với sắc giới không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với sắc giới không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với sắc giới không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với sắc giới không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường.

Đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với nhãn thức giới không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với nhãn xúc không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với địa giới không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với địa giới không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với địa giới không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với địa giới không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với địa giới không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với địa giới không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với thủy, hỏa, phong, không thức giới cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với nhân duyên không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối

với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với nhân duyên không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với nhân duyên không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với nhân duyên không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với nhân duyên không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa. Đối với nhân duyên không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh; đối với vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, không tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với vô minh không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với vô minh không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với vô minh không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với vô minh không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với vô minh không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng xa lìa, không xa lìa. Đối với vô minh không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Các Bồ-tát này đối với Dục giới không chấp lấy tướng thường, vô thường; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng thường, vô thường. Đối với Dục giới không chấp lấy tướng lạc, không lạc; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng lạc, không lạc. Đối với Dục giới không chấp lấy tướng ngã, vô ngã; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng ngã, vô ngã. Đối với Dục giới không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng tịnh, bất tịnh. Đối với Dục giới không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng xa lìa, chẳng xa lìa. Đối với Dục giới không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; đối với Sắc giới, Vô sắc giới cũng không chấp lấy tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh.

Nếu các Bồ-tát nào dùng phương tiện thiện xảo như vậy mà không chấp lấy pháp tướng tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa. Các Bồ-tát này được nhập vào số Bồ-tát trên cùng của các Bồ-tát, có thể đắc trí Nhất thiết trí trên cùng.

Lại nữa Mãn Từ Tử, nếu các Bồ-tát biết tất cả pháp đều chẳng phải thật có, xa lìa các tướng mà hành Bồ thí ba-la-mật-đa thì các Bồ-tát này được nhập vào số Bồ-tát ở trên cùng của các Bồ-tát, có thể đắc trí Nhất thiết trí trên cùng, cũng có thể giáo hóa tất cả hữu tình làm cho họ y vào trí Nhất thiết trí như vậy, phát nguyện cầu đều chứng đắc.

Lại nữa Mãn Từ Tử, nếu các hữu tình đối với pháp không tướng mà không phát khởi sự xác định, thì không thể phát tâm trí Nhất thiết. Nếu không thể phát tâm trí Nhất thiết, thì không thể tu các hạnh Bồ-tát. Nếu không tu các hạnh Bồ-tát thì không thể đắc trí Nhất thiết trí. Nếu các hữu tình đối với pháp không tướng, có thể phát khởi sự xác

định thì phát khởi tâm trí Nhất thiết. Nếu phát khởi tâm trí Nhất thiết thì tu hành các hạnh Bồ-tát. Nếu tu hành các hạnh Bồ-tát thì chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Lại nữa Mãn Từ Tử, nếu các Bồ-tát phát tâm cầu trí Nhất thiết rồi, tùy theo sự xả bỏ đều biết rõ không, không thật có mà hành Bồ thí ba-la-mật-đa. Nghĩa là như thật biết các sự xả bỏ đều như huyễn hóa. Chẳng phải như chúng ta từ vô thủy đến nay đã chấp lấy các tướng. Do biết như vậy, nên đối với các sở hữu đều xả bỏ không chấp lấy các tướng. Các hữu tình không như thật biết các pháp chẳng phải có đều như huyễn hóa nên đối với các sự việc khởi tâm kiên trì chấp trước. Do kiên trì chấp trước nên không xả bỏ. Do không xả bỏ nên giữ gìn keo kiệt. Do keo kiệt nên khi qua đời, đọa vào các đường ác chịu bần cùng khổ cực. Tùy theo có sở đắc không chịu xả bỏ. Lại đối với trong đó, keo kiệt lâu dài. Do đó lại đọa vào các đường ác chịu nhiều khổ đau. Thọ khổ như vậy đều do chấp tướng. Nếu các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo biết pháp chẳng có đều như huyễn hóa, đã như huyễn hóa thì phải nên xả bỏ. Huyễn hóa chẳng phải ngã và ngã sở. Đối với tất cả việc đều xả bỏ. Vì sao? Vì việc ngã, ngã sở đã chẳng thể nắm bắt được, không nên chấp trước; không chấp trước nên xả bỏ được. Do xả bỏ được nên đối với chánh pháp mà Phật Thế Tôn đã thuyết thì sinh lòng kính trọng sâu xa. Nghĩa là suy nghĩ rằng: “Hy hữu thay Thế Tôn! Khéo thuyết các pháp đều như huyễn. Con dựa vào lời dạy của Phật nên xả bỏ tất cả. Nghĩa là xả bỏ pháp như huyễn hóa, làm cho con sẽ được Vô thượng Bồ-đề như huyễn vô tướng.”

Các Bồ-tát này lại nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn làm việc khó làm. Nghĩa là dạy Bồ-tát biết như thật các pháp chẳng có đều như huyễn hóa. Do biết rõ nên không sinh chấp trước, ít dụng công sức mà xả bỏ tất cả, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.” Thế nên Bồ-tát này muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột nên biết như vậy, các pháp chẳng có, đều như huyễn hóa, xả bỏ xa lìa các tướng. Dùng tâm vô tướng siêng năng cầu trí Nhất thiết trí tối thượng. Tôn giả Mãn Từ Tử, chớ bảo tôi thuyết pháp như vậy là do tài biện luận của mình. Đây đều do sức oai thần của Như Lai.

Bấy giờ, Phật dạy A-nan-đà:

–Những gì Xá-lợi Tử đã thuyết đều nhờ thần lực của Phật. Ông nên thọ trì. Sau khi Ta Niết-bàn, nên lưu truyền cùng khắp.

